

CHÍNH PHỦ
Số: 123/2003/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 21 tháng 12 năm 1990 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1991 và năm 1994;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định tiêu chuẩn cơ bản về vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, bao gồm tiêu chuẩn ăn của hạ sĩ quan, chiến sĩ bộ binh; tiêu chuẩn ăn thường xuyên của các lực lượng thuộc quân chủng, binh chủng và các mức ăn bồi dưỡng trong huấn luyện, chiến đấu, trực sẵn sàng chiến đấu, diễn tập, phòng chống thiên tai và các mức ăn ở bệnh xá, bệnh viện; tiêu chuẩn quân trang, tiêu chuẩn quân nhu chiến đấu, tiêu chuẩn nhu yếu phẩm, tiêu chuẩn thuốc, bông băng, hoá chất sử dụng trong y tế và tiêu chuẩn trang bị, dụng cụ y tế; tiêu

chuẩn tập chi vệ sinh; định mức sử dụng nước sạch trong sinh hoạt; tiêu chuẩn diện tích ở, làm việc, sinh hoạt công tác và một số công trình phụ trợ khác trong doanh trại; định mức tiêu chuẩn doanh cụ; định mức sử dụng điện năng.

2. Quân nhân tại ngũ quy định tại Nghị định này bao gồm: sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ.

Điều 2. Nguyên tắc bảo đảm tiêu chuẩn vật chất hậu cần

Việc bảo đảm tiêu chuẩn vật chất hậu cần cho quân nhân tại ngũ phải dựa trên các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm đáp ứng các nhu cầu cho sinh hoạt thường xuyên, huấn luyện, dã ngoại, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.
2. Bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của quân đội, với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách nhà nước trong từng giai đoạn.
3. Phù hợp với sự phát triển chung và đặc trưng của từng vùng, miền, từng đối tượng cụ thể.
4. Phương thức bảo đảm tiêu chuẩn vật chất hậu cần bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật, một số loại tiêu chuẩn cụ thể có thể được tính trong lương, phụ cấp của quân nhân tại ngũ. Trường hợp đã được đưa vào căn cứ để tính lương thì không được tính vào tiêu chuẩn chung để cấp phát; nếu được cấp phát thì phải khấu trừ vào lương.
5. Khuyến khích việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý trong việc bảo đảm tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ; các đơn vị có điều kiện cần chủ động tổ chức tăng gia sản xuất góp phần cải thiện đời sống cán bộ, chiến sĩ.
6. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng công tác bảo đảm tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ để trục lợi hoặc gây thiệt hại đối với tài sản của Nhà nước, làm giảm khả năng chiến đấu của lực lượng quân đội.

Chương II

TIÊU CHUẨN VẬT CHẤT HẬU CẦN ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN TẠI NGŨ

Điều 3. Tiêu chuẩn ăn của hạ sĩ quan, chiến sĩ bộ binh

1. Tiêu chuẩn ăn của hạ sĩ quan, chiến sĩ bộ binh

Nhiệt lượng khẩu phần ăn 3.200 Kcal/người/ngày, cơ cấu định lượng các loại lương thực, thực phẩm và tỷ lệ các chất sinh nhiệt hợp lý (Protêin từ 14% - 16%, Lipít từ 18% - 20%, Gluxít từ 64% - 68%).

2. Tiêu chuẩn ăn của các lực lượng thuộc quân chủng, binh chủng:

a) Nhiệt lượng khẩu phần, cơ cấu định lượng, tỷ lệ các chất sinh nhiệt được quy định hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ của từng đối tượng.

b) Mức tiền ăn của các lực lượng quân chủng, binh chủng được tính cao hơn so với bộ binh từ 1,3 đến 3,5 lần (riêng phi công lái máy bay siêu âm tiêu chuẩn ăn cao gấp hơn 6 lần so với tiêu chuẩn ăn của bộ binh). Thương bệnh binh điều trị tại các bệnh xá, bệnh viện ăn theo tiêu chuẩn bệnh lý.

c) Ngoài các mức ăn cơ bản còn có các mức ăn bồi dưỡng khi tham gia huấn luyện, chiến đấu, trực sẵn sàng chiến đấu, diễn tập, phòng, chống thiên tai và một số nhiệm vụ đặc biệt khác.

Điều 4. Tiêu chuẩn quân trang của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và hạ sĩ quan, chiến sĩ

1. Tiêu chuẩn quân trang của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp là những loại quân trang cấp cho cá nhân quản lý sử dụng thường xuyên và quân trang dùng chung; gồm lễ phục, quân trang thường xuyên, quân trang niên hạn, quân trang chống rét.

2. Tiêu chuẩn quân trang của hạ sĩ quan, chiến sĩ là những loại quân trang cấp cho cá nhân quản lý sử dụng thường xuyên và quân trang dùng chung; gồm quân trang thường xuyên, quân trang niên hạn, quân trang chống rét.

3. Tiêu chuẩn quân trang nghiệp vụ là những loại quân trang, trang bị cho cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, chiến đấu và phục vụ công tác chuyên môn.

Điều 5. Tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp và dụng cụ cấp dưỡng

Tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp và dụng cụ cấp dưỡng được trang bị theo các loại bếp ăn cấp Tiểu đoàn bộ binh, Tiểu đoàn binh chủng, quân chủng, Đại đội binh chủng, quân chủng, tàu hải quân, cơ quan từ cấp Sư đoàn đoàn trở lên và các đơn vị tương đương, bếp bệnh xá, bệnh viện, các đơn vị đóng quân phân tán, công tác độc lập được trang bị các bếp lẻ.

Điều 6. Tiêu chuẩn trang bị quân nhu chiến đấu và dã ngoại

Tiêu chuẩn trang bị quân nhu chiến đấu và dã ngoại gồm có trang bị cá nhân và trang bị dùng chung.

Điều 7. Tiêu chuẩn nhu yếu phẩm

Tiêu chuẩn nhu yếu phẩm là những đồ dùng thiết yếu cho sinh hoạt và chiến đấu của quân nhân tại ngũ; đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ được bảo đảm bằng hiện vật hoặc có thể cấp bằng tiền mặt dựa trên quy đổi tương đương. Đối với đối tượng hưởng lương, trong thời bình, tiêu chuẩn nhu yếu phẩm được tính trong tiền lương.

Điều 8. Tiêu chuẩn thuốc, bông băng, hoá chất

Tiêu chuẩn thuốc, bông băng, hoá chất được trang bị gồm có thuốc, bông băng dùng tại đơn vị; thuốc, bông băng cho giường bệnh, thuốc khám bệnh, thuốc bổ trợ quân binh chủng, thuốc bổ trợ cán bộ cao cấp và bệnh mãn tính, thuốc và hoá chất phòng chống dịch, hoá chất, sinh vật phẩm cho viện chuyên ngành và thuốc nghiệp vụ thú y.

Tiêu chuẩn thuốc, bông băng, hoá chất được cấp cho từng đơn vị và cho từng đối tượng quân nhân tại ngũ.

Điều 9. Tiêu chuẩn trang bị, dụng cụ y tế

1. Tiêu chuẩn trang bị, dụng cụ y tế được trang bị lần đầu và trang bị thay thế hàng năm.
2. Tiêu chuẩn trang bị, dụng cụ y tế được trang cấp theo từng loại hình cơ sở y tế trong quân đội :
 - a) Đối với Bệnh viện loại 1 của quân đội thì được trang bị tương đương Bệnh viện hạng 1 của Bộ Y tế.
 - b) Đối với Bệnh viện loại 2 của quân đội thì được trang bị tương đương Bệnh viện hạng 2 của Bộ Y tế.
 - c) Đối với Viện chuyên ngành của quân đội thì được trang bị theo quy hoạch và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.
 - d) Những bệnh viện chuyên ngành hàng năm được cấp một khoản ngân sách tương đương ngân sách thuốc, bông băng, hoá chất theo cùng năm kế hoạch (ngoài ngân sách trang bị mới).

Điều 10. Tiêu chuẩn tạp chi vệ sinh

Tiêu chuẩn tạp chi vệ sinh được trang cấp theo từng loại hình cơ sở y tế trong quân đội và được phân loại theo địa bàn vùng, miền khác nhau.

Điều 11. Định mức sử dụng nước sạch trong sinh hoạt

Định mức sử dụng nước sạch trong sinh hoạt bảo đảm đủ tiêu chuẩn là 130 - 150 lít nước sinh hoạt cho mỗi người/ngày áp dụng cho địa bàn có nguồn nước sạch.

Những đơn vị đóng quân trên địa bàn chưa có nguồn nước sạch dùng chung được trang bị máy móc để khai thác các nguồn nước sạch, bảo đảm đủ 130 - 150 lít cho mỗi người/ngày.

Điều 12. Tiêu chuẩn diện tích ở, làm việc, sinh hoạt công cộng và một số công trình phụ trợ khác trong doanh trại

1. Tiêu chuẩn diện tích ở được chia theo đối tượng là hạ sĩ quan, chiến sĩ và theo cấp bậc quân hàm sĩ quan trong quân đội để bảo đảm diện tích ở tối thiểu là 3,6 m² và diện tích ở tối đa là 18 m² cho một người.
2. Tiêu chuẩn diện tích làm việc gồm có tiêu chuẩn cho cán bộ chỉ huy và cán bộ chuyên trách.
3. Tiêu chuẩn diện tích một số công trình công cộng và phụ trợ khác được phân loại theo các đơn vị trong quân đội gồm có cấp Đại đội và tương đương, cấp Tiểu đoàn và tương đương, cấp Trung đoàn và tương đương, các cơ quan Sư đoàn, Lữ đoàn, Cục và tương đương, các cơ quan Tổng cục, Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng, Binh chủng và tương đương.
4. Thiết bị vệ sinh trong nhà ở và nhà làm việc được trang cấp theo quy mô quân số, đối với đơn vị quân đội có nữ thì phải bố trí cho nam, nữ riêng.

Điều 13. Định mức tiêu chuẩn doanh cụ

Định mức tiêu chuẩn doanh cụ trong quân đội được phân chia theo tiêu chuẩn sử dụng trong nhà tập thể, trong nhà làm việc cho các đối tượng; tiêu chuẩn doanh cụ phòng trực ban; tiêu chuẩn doanh cụ phòng văn thư, bảo mật; tiêu chuẩn doanh cụ phòng lưu trữ; tiêu chuẩn doanh cụ phòng làm việc của quân y; tiêu chuẩn doanh cụ phòng họp, giao ban; tiêu chuẩn doanh cụ phòng khách; tiêu chuẩn doanh cụ phòng sinh hoạt công cộng; tiêu chuẩn doanh cụ phòng học và tiêu chuẩn doanh cụ nhà ăn.

Đối với mỗi tiêu chuẩn cụ thể được chia theo từng cấp sĩ quan, đối tượng quân nhân trong quân đội hoặc chia theo cấp đơn vị trong quân đội.

Điều 14. Định mức sử dụng điện năng

Định mức sử dụng điện năng trong quân đội gồm có định mức sử dụng điện năng cho sinh hoạt làm việc; định mức sử dụng điện năng cho chỉ huy sẵn sàng chiến đấu; định mức sử dụng